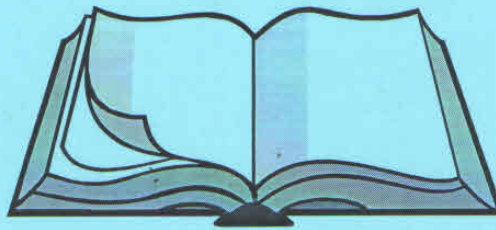




**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN & XI MĂNG CẦN THƠ  
( CANTCIMEX GROUP )**

**TÀI LIỆU  
PHỤC VỤ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**



**TP Cần Thơ, tháng 3 năm 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN & XI MĂNG CẦN THƠ**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 1800553319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 22 tháng 04 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 21 tháng 09 năm 2017)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2018

**CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**

**Thời gian tổ chức:** Từ 09:00 đến 11:20 ngày 24 tháng 03 năm 2018

**Địa điểm tổ chức:** Hội trường Công ty cổ phần Khoáng sản & xi măng Cần Thơ

**Địa chỉ:** Quốc lộ 80, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ.

Thời gian	Nội dung
09:00 ÷ 09:15	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông
09:15 ÷ 09:30	Khai mạc Đại hội:
09:30 ÷ 10:20	Chủ tọa Đại hội, Hội đồng quản trị, Trưởng ban Kiểm soát trình bày về các nội dung nghị sự tại Đại hội và xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ.
10:20 ÷ 10:35	Giải lao
10:35 ÷ 10:50	Giải đáp ý kiến thắc mắc của cổ đông.
10:50 ÷ 11:10	Thông qua Biên bản và bế mạc Đại hội.
11:20	<b>Bế mạc Đại hội</b> <ul style="list-style-type: none"><li>○ Gửi lời tri ân đến cổ đông.</li><li>○ Tuyên bố bế mạc.</li></ul>

**Lưu ý:** Tất cả tài liệu liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 gửi đến các cổ đông sẽ đồng thời được cập nhật trên Website công ty: (<http://www.ximangcantho.vn>). Quý cổ đông có thể tải các biểu mẫu và tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 từ địa chỉ này.

## QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

### Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

Ban Tổ chức Đại hội Công ty Cổ phần Khoáng sản & Xi Măng Cần Thơ xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

### I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
2. Không hút thuốc lá trong Phòng Đại hội.
3. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

### II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. **Nguyên tắc:** Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của tất cả cổ đông. Mỗi cổ đông được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi tên cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền).
2. **Cách biểu quyết:** Cổ đông biểu quyết lần lượt (*đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến hoặc*) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết thông qua một vấn đề gì, các cổ đông đồng ý sẽ thực hiện giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa đại hội.
3. **Thẻ lệ biểu quyết:**
  - Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

- Tất cả các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi có số cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không có quy định khác thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

### III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với chủ tọa ĐH (qua thư ký Đại hội), khi phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa Đại hội nhất trí mới được phát biểu ý kiến. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 5 phút, nội dung cần ngắn gọn tránh trùng lặp. Nếu thời gian đại hội không cho phép thì các bài viết tham gia ý kiến của cổ đông, đại diện cổ đông gửi Chủ tọa Đại hội ( thông qua thư ký đại hội) cũng có giá trị như ý kiến phát biểu tại Đại hội.

**Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.

**Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

### IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

### V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.



## VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

1. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
2. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.

## VII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Khoáng Sản & Xi Măng Cần Thơ.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2018

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018**

### **PHẦN I**

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017**

#### **I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017 :**

##### **1. Khó khăn :**

Năm 2017 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng nói chung và Công ty cổ phần Khoáng sản và xi măng Cần Thơ nói riêng gặp không ít khó khăn về giá cả của các loại nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào như Clinker, xăng, dầu, điện... liên tục điều chỉnh theo hướng tăng.

- Khó khăn hiện tại của Công ty vẫn là vấn đề môi trường. Ảnh hưởng đến thời gian bốc dỡ nguyên liệu và khâu xuất hàng.

- Nhu cầu khách hàng sử dụng tầm vông cao, nên việc xuất xi măng chưa đáp ứng nhu cầu thị trường ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ xi măng.

- Với tình hình khó khăn hơn bao giờ hết Công ty phải tìm kiếm cơ hội và tận dụng những ưu thế hiện có để đẩy mạnh hoạt động sản xuất nhằm giữ vững mức tăng trưởng theo kế hoạch ĐHCĐ đã đề ra

##### **b/ Thuận lợi :**

- Bên cạnh những khó khăn mà Công ty đã và đang gặp phải thì vẫn có rất nhiều cơ hội thuận lợi, mà chính yếu tố tích cực đó góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

- Sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng tin nhiệm thông qua sự phù hợp về giá cả, ổn định về chất lượng, chăm sóc khách hàng thường xuyên và chính sách khuyến mãi hợp lý.

- Nhạy bén nhận định thị trường và nắm bắt tốt thời cơ Công ty đã và đang mở rộng sản xuất kinh doanh sang nhiều lĩnh vực như bất động sản, bê tông, gạch..... đã tạo thêm sự phong phú trong hoạt động kinh doanh và tạo sự gắn kết chặt chẽ, phát huy tối đa năng lực để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

##### **2. Một số chỉ tiêu đạt được trong năm 2017 của Công ty Mẹ và Công ty con :**

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện	So sánh với năm 2016(%)
<b>I</b>	<b>XI MĂNG + OXY (Cty Mẹ)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	205.969.904.315	96,02
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	157.405.208.245	120,4
3	Sản lượng sản xuất:			
	- Xi măng:	Tấn	276.674,75	110,67
	- Hơi kỹ nghệ	Chai	59.467	74,33
4	Doanh thu thuần	Đồng	207.115.986.665	84,02
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	12.099.637.097	108,21
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	10.763.392.046	123
7	Nộp ngân sách	Đồng	4.889.350.345	72,49
<b>II</b>	<b>Cty BẤT ĐỘNG SẢN (Cty con)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	51.749.058.734	108,21
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	43.864.356.990	119,27
3	Doanh thu thuần	Đồng	42.513.927.153	133,15
4	Lợi nhuận trước thuế		14.042.005.370	176,86
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	12.900.162.892	206,92
<b>III</b>	<b>Cty LỘC TÀI NGUYÊN (Cty con)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	3.185.784.673	92,77
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	517.705.952	193,9
3	Doanh thu thuần	Đồng	4.679.120.000	139,3
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	256.451.952	
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	250.811.610	
<b>IV</b>	<b>Cty XI MĂNG CT – HG (Cty con)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	321.860.860.827	169,84
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	140.285.316.962	135,7
3	Doanh thu thuần	Đồng	482.715.240.245	532,2
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	42.776.204.399	
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	40.610.481.386	



## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD :**

### **1. Lĩnh vực sản xuất xi măng :**

Năm 2017 sản xuất xi măng: 276.674,75 tấn. Đạt 110.67 % so với kế hoạch 250.000 tấn.

### **2. Lĩnh vực sản xuất Hơi kỹ nghệ (oxy) :**

Năm 2017 sản xuất được: 59.467 chai đạt 74,33% so với kế hoạch 80.000 chai.

Nguyên nhân chính là do các xưởng đóng tàu hoạt động còn chậm, và hiện nay các trạm chiết ôxy lỏng ngày càng nhiều. Tác động mạnh đến sản lượng của công ty.

### **3. Lĩnh vực kinh doanh Bất Động Sản :**

Trong năm 2017, việc kinh doanh bất động tương đối thuận lợi, do nhu cầu của khách hàng tăng từ đầu năm 2017 và cơn sốt về bất động sản, cộng thêm thuận lợi về việc vay vốn ngân hàng trong việc giải ngân mua nhà, đất; tạo ra phần lớn những khách hàng thật sự có nhu cầu về khả năng kinh tế đáp ứng được.

Hiện tại đến nay Công ty đã kinh doanh chuyển nhượng khoảng 60% số đất nền (215 nền trong tổng số 364 nền), chủ yếu còn lại là phần đất nền giao tái định cư.

Phần giao nền tái định cư cũng đang có chiều hướng tích cực, do đại đa số người dân chịu nhận nền tái định cư vì hiện nay giá đất đang tăng lên và phần lớn họ có nhu cầu nhận nền đất để ở ổn định.

Ngoài việc kinh doanh bất động sản, Công ty cũng đã ký kết các Hợp đồng thi công xây dựng các hạng mục của Dự án Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang (Dây chuyền 2) với tổng số tiền khoảng 49 tỷ đồng, đã mang lại kết quả lợi nhuận mong muốn.

### **4. Công ty cổ phần Khoáng sản Lộc Tài Nguyên :**

Hiện đang gia công cho Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ, với lợi thế đa dạng nhiều vỏ bao, phân khúc thị trường

Năm 2017 sản xuất : 23.395,6 tấn đạt 93,58% so với kế hoạch 25.000 tấn.

### **5. Công ty TNHH MTV xi măng Cần Thơ – Hậu Giang :**

#### **Kết quả đầu tư Dây chuyền 2 .**

#### **Kết quả đầu tư Giai đoạn 1 Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang.**

Trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành đầu tư và xây dựng thêm Dây chuyền 2 : Dự án đầu tư Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang, cụ thể :

- Tổng mức đầu tư theo dự toán cho toàn bộ Dây chuyền 2 :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng đầu tư máy móc thiết bị	Triệu đồng	39.000	
2	Tổng mức xây dựng	Triệu đồng	59.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>98.000</b>	



- Tổng số đầu tư cho Dự án Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang (giai đoạn 1) đã hoàn thành và được quyết toán cho **02 Dây chuyền**, cụ thể :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Hệ thống máy nghiền : 02 dây chuyền	Triệu đồng	80.000	
2	Tổng chi phí xây dựng	Triệu đồng	84.000	
3	Tổng đầu tư mua thiết bị	Triệu đồng	33.000	
4	Đầu tư phương tiện vận tải	Triệu đồng	50.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>247.0 00</b>	

- Các hạng mục của Dự án đã được Ban quản lý các KCN tỉnh Hậu Giang thẩm duyệt thiết kế cơ sở, Sở xây dựng thẩm định thiết kế kỹ thuật bản vẽ và được Ban quản lý Các KCN tỉnh Hậu Giang miễn giấy phép xây dựng theo qui định.

- Dự án đã được Kiểm toán độc lập chuyên ngành xây dựng (Công ty kiểm toán A & C) kiểm toán và đã thực hiện theo đúng qui định.

#### **6. Sản xuất gạch ống không nung:**

- Năm 2017 công ty sản xuất cầm chừng do hiện tại thị trường tiêu thụ gạch chưa mạnh. Và do giá thành gạch còn quá cao chưa phù hợp với thị trường. Chờ xỉ than của nhiệt điện Sông Hậu ra lò. Công ty sẽ phát triển lĩnh vực này.

#### **7. Các hoạt động khác :**

##### **7.1. Công tác đoàn thể đời sống :**

- Năm 2017 đời sống vật chất và tinh thần của CB – CNV được nâng cao, thu nhập của CB – CNV tăng hơn so với năm trước. Do tạo được công ăn việc làm ổn định đời sống cho người lao động với mức thu nhập bình quân trên 6 – 6,5 triệu đồng/người

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động nhằm nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực công tác phục vụ cho công ty, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp hơn, vững chắc, năng động, phát động và xây dựng đời sống văn hoá, văn hóa công sở trong toàn Đơn vị gắn liền với công tác giữ gìn và bảo vệ môi trường.

##### **7.2. Công tác đóng góp xây dựng và phúc lợi xã hội :**

Trong năm 2017, Công ty tham gia góp phần xây dựng xã hội, quan tâm hỗ trợ người nghèo, khó khăn và các chương trình hành động phúc lợi xã hội như:

- Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế dân cư bên sông, hỗ trợ trường THCS Thới Thuận 1, Hỗ trợ bảo vệ dân phòng P.Thới Thuận, hỗ trợ phong trào TDTT đoàn thanh niên, Ủng hộ tập học sinh ở các đại phương như: Vĩnh Long, Trà Nóc, Vĩnh Trinh, Thới Thuận:

- Hỗ trợ cho giáo dục bằng tiền và hiện vật.

- Đóng góp thăm hỏi CB – CNV công ty, ủng hộ khác:

Tổng số tiền đóng góp phúc lợi xã hội : 250.000.000 đồng.

## PHẦN II

### KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018

#### I. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	Ghi chú
1	Sản xuất xi măng	Tấn	950.000	XMCT: 250.000 tấn XMCT-HG: 700.000 tấn
2	Sản xuất Hơi kỹ nghệ	Chai	80.000	
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	860.000	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	65.300	
	Bao gồm: - Xi măng Cần Thơ	Tr.đồng	10.000	
	- Ô xy	Tr.đồng	100	
	- Bất động sản	Tr.đồng	5.000	
	- Công ty Lộc Tài Nguyên	Tr.đồng	200	
	- Xi măng Cần Thơ-HG	Tr.đồng	50.000	
5	Nộp NSNN	Tr.đồng	10.000	
6	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	7	

#### II. Các giải pháp thực hiện kế hoạch :

##### 1. Sản xuất kinh doanh xi măng :

Kế hoạch sản xuất năm 2017 của toàn Công ty là : 950.000 tấn xi măng.

Để đạt được sản lượng 950.000 tấn/năm. Toàn thể CB – CNV Công ty nói chung và Bộ phận Phòng kinh doanh phải năng động, phát huy tối đa tiềm năng, tiềm lực và tích cực mở rộng thêm thị trường ở tất cả các Khu vực, đồng thời kết hợp với bộ phận Marketing phải thường xuyên quảng bá sản phẩm, thực hiện chăm sóc các khách hàng truyền thống để tăng sản lượng; kết hợp gia công cho Tophome, Star Home, Xi măng Hà Tiên và Xi măng Lavica.

Cải tiến công nghệ xuất hàng hóa bằng cách thiết kế băng tải có trục xuất vống để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của khách hàng.

##### 2. Sản xuất kinh doanh hơi kỹ nghệ :

Năm 2018 dự kiến Nhà máy sẽ cung ứng cho thị trường khoảng 80.000 chai khí oxy, góp phần mang lại hiệu quả hoạt động kinh doanh chung của toàn công ty.

##### 3. Công ty cổ phần Khoáng sản Lộc Tài Nguyên :



Tiếp tục duy trì gia công cho Công ty cổ phần Khoáng sản và xi măng Cần Thơ Với sản lượng trên 25.000 tấn/năm.

Hoàn thiện dần hệ thống máy móc thiết bị, xử lý nhanh chóng khi có hư hỏng nhỏ, sản xuất kịp thời để đáp ứng kịp thời sản phẩm cho khách hàng để đạt được sản lượng 30.000tấn/năm

Trong năm 2018 tận dụng những ưu thế của các NPPC: Vốn , kinh nghiệm kinh doanh, mạng lưới các đại lý, phương tiện vận chuyển để phát triển thị trường.

Phát huy hết công sức máy để tăng trưởng sản lượng tại Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Lộc Tài Nguyên.

#### **4. Công ty TNHH MTV xi măng Cần Thơ – Hậu Giang :**

***Kế hoạch giải phóng mặt bằng và đầu tư trong năm 2018.***

**\* Kế hoạch giải phóng mặt bằng :**

- Hiện tại Công ty đang hoàn thiện làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại của Dự án Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang khoảng 03 héc ta.

- Dự kiến Công ty sẽ bồi hoàn giải phóng mặt bằng thêm 01 héc ta phần đất mặt tiền phía ngoài đường Nam sông Hậu theo đúng qui hoạch của Ban Quản lý Các KCN tỉnh Hậu Giang. Số tiền dự kiến bồi thường khoảng 6 tỷ đồng/ha.

Đồng thời, chi thêm để giải phóng mặt bằng phần đất giáp đường dân sinh, phía bờ sông, dự kiến chi khoảng 5 tỷ đồng.

**\* Kế hoạch đầu tư :**

**+ Hệ thống nghiên xi than**

Hiện tại Dây chuyền 1 và dây chuyền 2 đã đáp được nguồn hàng hóa liên tục cho hệ thống Nhà phân phối của Công ty.

Nhằm mở rộng ngành nghề kinh doanh mặt hàng xi than, Ban Lãnh đạo công ty quyết định đầu tư thêm Dây chuyền 3 để nghiên xi than cung cấp cho Dự án sản xuất vật liệu xây dựng mới.

+ Đầu tư nhà máy sản xuất trần thạch cao và tấm vách đa dạng thuộc loại vật liệu mới không nung (tấm phôm cospha, ngói, tấm shora làm sàn nhà).

Trên cơ sở nguồn nguyên liệu xi than, tro bay và kết hợp với các nguyên vật liệu khác, trong năm 2018, Ban Tổng giám đốc sẽ nghiên cứu và đầu tư Hệ thống máy sản xuất trần thạch cao và tấm vách đa dạng với giá thành rất cạnh tranh và đây là mặt hàng rất khả quan sẽ đem lại kết quả lợi nhuận mong muốn trong thời gian tới.

Thông qua các phương hướng, các thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh ngành nghề xi măng hiện tại và tầm quan sát vĩ mô của Ban Tổng Giám đốc đã tham mưu đề xuất cho Hội đồng quản trị Công ty Mẹ tiếp tục đầu tư thêm Dây chuyền 3 và nhà máy sản xuất trần thạch cao và vách nhà đa dụng, tấm phôm cospha, ngói, tấm shora sàn nhà cụ thể:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng đầu tư máy móc thiết bị DC3	Triệu đồng	30.000	
2	Tổng đầu tư Máy sản xuất vật liệu mới	Triệu đồng	40.000	



	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>70.000</b>	
--	------------------	-------------------	---------------	--

***Nguồn vốn đầu tư trong năm 2018.***

- Hoàn thiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần còn lại của Dự án hơn 03 héc ta để tăng hạn mức vay vốn ngắn hạn tại BIDV Cần Thơ lên đủ 120 tỷ đồng.

- Sử dụng 95% lợi nhuận sau thuế đạt được trong năm 2017 để tiếp tục đầu tư cho Dây chuyền 3 và hệ thống máy móc thiết bị trên.

**5. Công ty cổ phần Bất động sản Cantcimax :**

**1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018.**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	Ghi chú
1	Kinh doanh Bất động sản	Nền	40	
2	Thi công các hạng mục của Dây chuyền 3 của Cty xi măng CT-HG	<i>Theo khái toán xây dựng DC3 khoảng hơn 20 tỷ đồng</i>		
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	25.000	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	5.000	

**2. Định hướng của Công ty.**

Theo hướng kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều khả quan nhưng để đạt được kế hoạch đề ra đòi hỏi Công ty phải kế hoạch chi tiết, rõ ràng về tài chính, về nhân lực. Đặc biệt là việc thi công xây dựng Dây chuyền 3 của Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang theo đúng tiến độ.

**a. Về tài chính :**

- Tiếp tục tích cực hơn nữa về việc kinh doanh chuyển nhượng bất động sản, đồng thời thúc đẩy Ban quản lý các KCN tỉnh Hậu Giang giao nhận nền tái định cư.
- Sử dụng hiệu quả lợi nhuận tích lũy các năm qua.

**b. Về nhân lực :**

- Tiếp tục sử dụng hiệu quả công tác thi công của Dây chuyền 3 là thuê khoán và kiểm soát chặt chẽ lao động chính thức của Công ty.
- Luôn đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động.

**6. Đầu tư nước ngoài, thành lập Công ty con tại Australia (AU) :**

Thành lập Công ty con tại AU với tên gọi CANTCIMEX AUSCO. Vốn điều lệ 01 triệu AUD (Một triệu đô la Australia ) hoặc 800.000 USD (Tám trăm ngàn đô la mỹ)

**7. Rút khỏi Sổ giao dịch chứng khoán Hà Nội:**

Công ty hủy niêm yết tự nguyện tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Thời gian thực hiện trong năm 2018.

### **III. Kết luận :**

Năm 2018, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB – CNV Công ty đã đoàn kết quyết tâm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong điều kiện bối cảnh kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo được việc làm ổn định cho người lao động trong toàn công ty với mức thu nhập tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2018 sẽ là năm có nhiều khó khăn, giá nguyên liệu tăng. Tuy nhiên Chủ Tịch HĐQT cùng Ban Tổng Giám Đốc và toàn thể CB – CNV Công ty cố gắng nỗ lực hết sức mình để đưa việc hoạt động sản xuất kinh doanh đạt lợi nhuận cao nhất.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB – CNV Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn và chúc Quý đại biểu, Quý cổ đông nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt./.

**Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2018**



**THÁI MINH THUYẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN & XI MĂNG CẦN THƠ**

Trước tiên, tôi xin phép thay mặt Ban Kiểm soát gửi đến Quý Cổ đông, Quý Đại biểu có mặt tham dự ĐHDCĐ thường niên 2018 lời chúc sức khỏe và thành đạt.

Kính thưa Quý Đại biểu !

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Ban Kiểm Soát được qui định trong Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ, Ban kiểm soát xin báo cáo hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2017 tới Đại hội đồng cổ đông như sau :

1. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính : kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Kiểm toán độc lập để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh : xem xét, đánh giá các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo.

3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT: xem xét, đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2017 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

4. Một số kiến nghị.

**Nội dung chính báo cáo :**

**1. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính :**

Công tác kế toán Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Ban Kiểm soát đồng ý với các số liệu Báo cáo tài chính do Công ty lập.



**2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh :**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2017 :**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	100		174.418.839.265	148.182.712.590
1. Tiền	110	V.1	33.239.330.241	26.981.503.661
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.239.330.241	26.981.503.661
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		1.650.000	1.650.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.650.000	1.650.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		66.609.914.401	60.917.974.829
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	63.331.038.443	60.887.996.294
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.993.904.785	7.628.318.166
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	11.129.263.082	7.097.618.989
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-17.127.685.206	-14.979.351.917
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139	V.7	283.393.297	283.393.297
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140		61.779.460.035	50.936.068.378
1. Hàng tồn kho	141	V.8	61.779.460.035	50.936.068.378
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		12.788.484.588	9.345.515.722
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.248.943.320	1.760.042.988
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.036.643.349	7.585.472.734
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	502.597.919	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		249.029.386.465	161.602.703.359
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		226.158.031.035	141.139.531.150
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	189.297.411.116	106.404.767.607
- Nguyên giá	222		248.291.409.518	150.694.964.759
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-58.993.998.402	-44.290.197.152
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		2.985.202.272	0
- Nguyên giá	225		3.142.318.182	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-157.115.910	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	33.875.417.647	34.734.763.543
- Nguyên giá	228		38.293.730.405	38.293.730.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-4.418.312.758	-3.558.966.862
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0

<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.511.316.468</b>	<b>6.973.137.906</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	7.511.316.468	6.973.137.906
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	5.347.894.510	5.347.894.510
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.178.246.800	2.178.246.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	-7.526.141.310	-7.526.141.310
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.490.034.303</b>	<b>13.490.034.303</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	11.215.439.774	10.744.497.316
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	4.144.599.188	2.745.536.987
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
5. Lợi thế thương mại	269		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>423.448.225.730</b>	<b>309.785.415.949</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>225.615.318.001</b>	<b>172.446.418.449</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>164.091.710.436</b>	<b>118.289.676.045</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	28.331.615.831	30.087.675.613
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	7.228.820.946	10.814.630.476
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	2.825.940.104	3.321.805.790
4. Phải trả người lao động	314	V.17	5.572.590.322	2.081.446.780
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.228.143.113	2.920.472.911
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	1.830.753.886	793.996.211
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	116.751.994.871	68.215.739.298
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.21	321.851.363	53.908.966
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>61.523.607.565</b>	<b>54.156.742.404</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		138.411.635	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		197.000.000	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	61.188.195.930	54.156.742.404
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>197.832.907.729</b>	<b>137.338.997.500</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>197.832.907.729</b>	<b>137.338.997.500</b>
<b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>	<b>V.22a</b>	<b>61.199.000.000</b>	<b>46.000.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.199.000.000	46.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	33.450.000.000	33.450.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22a	571.183.239	571.183.239
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22a	-40.000	-40.000
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	19.914.209.446	19.914.209.446



9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
<b>11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>	<b>V.22a</b>	<b>77.382.692.857</b>	<b>33.659.331.181</b>
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.177.559.423	19.149.913.087
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44.205.133.434	14.509.418.094
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	4.515.862.187	3.744.313.634
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>423.448.225.730</b>	<b>309.785.415.949</b>

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD HỢP NHẤT NĂM 2017

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	695.811.911.878	348.514.884.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.189.790.497	1.187.509.814
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>693.622.121.381</b>	<b>347.327.375.071</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	600.230.782.630	303.908.583.873
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>93.391.338.751</b>	<b>43.418.791.198</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	400.498.370	45.430.371
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.000.596.315	8.054.297.141
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.014.106.896	8.053.947.846
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		0	0
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	17.186.643.739	5.951.145.186
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.105.203.292	10.266.175.593
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22)+24-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>50.499.393.775</b>	<b>19.192.603.649</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.7	259.888.517	492.504.251
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.956.681.325	1.369.611.476
<b>14. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>-1.696.792.808</b>	<b>-877.107.225</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>48.802.600.967</b>	<b>18.315.496.424</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	4.643.810.542	4.419.864.770
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	-1.399.062.201	-996.992.820
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>45.557.852.626</b>	<b>14.892.624.474</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		44.205.133.434	14.509.418.094
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.352.719.192	383.206.380
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.10a	7.763	2.695
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	7.763	2.695

Phần lớn lợi nhuận được thực hiện từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh xi măng.

### 3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và Ban kiểm soát :

Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên và Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.



Ban kiểm soát đánh giá cao tính năng động, kịp thời trong các hoạt động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Về cơ bản năm 2017 HĐQT Công ty và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình và các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ năm 2017 thông qua.

#### **4. Một số kiến nghị :**

Ban kiểm soát Công ty có một số đề xuất với HĐQT & Ban Tổng giám đốc công ty như sau:

Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, hình thức tuyển dụng nhằm thu hút lao động có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm.

Chúng tôi chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Trên đây là một số nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty. Rất mong được quý cổ đông đóng góp ý kiến để Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong thời gian tới.

**Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2018**

**TM. Ban kiểm soát**



**Nguyễn Thái Thanh Phong**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
NĂM 2017**

**1. Tổ chức Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ gồm 05 thành viên như sau :

- |                        |           |   |
|------------------------|-----------|---|
| - Ông Thái Minh Thuyết | Chức vụ : | Chủ tịch HĐQT                                   |
| - Bà Nguyễn Thị Út Em  | Chức vụ : | Thành viên HĐQT                                 |
| - Ông Trần Minh Quang  | Chức vụ : | Thành viên HĐQT                                 |
| - Ông Thái Châu        | Chức vụ : | Thành viên HĐQT                                 |
| - Ông Phan Hoàng Tuấn  | Chức vụ : | Thành viên HĐQT ( đã miễn nhiệm ngày 14/6/2017) |

**2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017.**

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo đến toàn thể Quý cổ đông về kết quả thực hiện năm 2017 như sau:

Thực hiện các chỉ tiêu năm 2017:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ (%)
01	Tổng doanh thu	Triệu đồng	348.000	737.022	211
02	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	18.315	67.837	370
03	Mức cố tức dự kiến	10%		6199,9	
04	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	6,5	6,8	107

**3. Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2017**

Thông qua các kỳ họp, HĐQT đã thực hiện quyền quản lý điều hành của mình trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch, tờ trình liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.

Bên cạnh đó, giữa các kỳ họp định kỳ của HĐQT, để giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty, HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, bảo đảm tuân thủ đúng quy định.

**4. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2018.**





## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 60/2005/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số: 70/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;

Hội đồng quản trị (HDQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017 thông qua một số nội dung như sau :

#### **I. THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C.**

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C, tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định và đã được HDQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ công bố theo quy định, bao gồm :

- (1) Báo cáo của Kiểm toán viên;
- (2) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017;
- (3) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017;
- (4) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- (5) Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

#### **II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2017 :**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>174.418.839.265</b>	<b>148.182.712.590</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33.239.330.241	26.981.503.661
1. Tiền	111		33.239.330.241	26.981.503.661

2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		1.650.000	1.650.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.650.000	1.650.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		66.609.914.401	60.917.974.829
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	63.331.038.443	60.887.996.294
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.993.904.785	7.628.318.166
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	11.129.263.082	7.097.618.989
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-17.127.685.206	-14.979.351.917
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139	V.7	283.393.297	283.393.297
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140		61.779.460.035	50.936.068.378
1. Hàng tồn kho	141	V.8	61.779.460.035	50.936.068.378
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		12.788.484.588	9.345.515.722
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.248.943.320	1.760.042.988
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.036.643.349	7.585.472.734
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	502.597.919	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		249.029.386.465	161.602.703.359
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		226.158.031.035	141.139.531.150
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	221	V.10	189.297.411.116	106.404.767.607
- Nguyên giá	222		248.291.409.518	150.694.964.759
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-58.993.998.402	-44.290.197.152
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	224		2.985.202.272	0
- Nguyên giá	225		3.142.318.182	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-157.115.910	0
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	227	V.11	33.875.417.647	34.734.763.543
- Nguyên giá	228		38.293.730.405	38.293.730.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-4.418.312.758	-3.558.966.862
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		7.511.316.468	6.973.137.906
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	7.511.316.468	6.973.137.906
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	5.347.894.510	5.347.894.510
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.178.246.800	2.178.246.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	-7.526.141.310	-7.526.141.310
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	260		13.490.034.303	13.490.034.303
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	11.215.439.774	10.744.497.316
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	4.144.599.188	2.745.536.987
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0



5. Lợi thế thương mại	269		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>423.448.225.730</b>	<b>309.785.415.949</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>225.615.318.001</b>	<b>172.446.418.449</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>164.091.710.436</b>	<b>118.289.676.045</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	28.331.615.831	30.087.675.613
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	7.228.820.946	10.814.630.476
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	2.825.940.104	3.321.805.790
4. Phải trả người lao động	314	V.17	5.572.590.322	2.081.446.780
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.228.143.113	2.920.472.911
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	1.830.753.886	793.996.211
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	116.751.994.871	68.215.739.298
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.21	321.851.363	53.908.966
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>61.523.607.565</b>	<b>54.156.742.404</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		138.411.635	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		197.000.000	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	61.188.195.930	54.156.742.404
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>197.832.907.729</b>	<b>137.338.997.500</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>197.832.907.729</b>	<b>137.338.997.500</b>
<b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>	<b>V.22a</b>	<b>61.199.000.000</b>	<b>46.000.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.199.000.000	46.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	33.450.000.000	33.450.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22a	571.183.239	571.183.239
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22a	-40.000	-40.000
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	19.914.209.446	19.914.209.446
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
<b>11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>	<b>V.22a</b>	<b>77.382.692.857</b>	<b>33.659.331.181</b>
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.177.559.423	19.149.913.087
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44.205.133.434	14.509.418.094
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	4.515.862.187	3.744.313.634
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>423.448.225.730</b>	<b>309.785.415.949</b>

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD HỢP NHẤT NĂM 2017



Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	695.811.911.878	348.514.884.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.189.790.497	1.187.509.814
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>693.622.121.381</b>	<b>347.327.375.071</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	600.230.782.630	303.908.583.873
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>93.391.338.751</b>	<b>43.418.791.198</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	400.498.370	45.430.371
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.000.596.315	8.054.297.141
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.014.106.896	8.053.947.846
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		0	0
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	17.186.643.739	5.951.145.186
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.105.203.292	10.266.175.593
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>50.499.393.775</b>	<b>19.192.603.649</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.7	259.888.517	492.504.251
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.956.681.325	1.369.611.476
<b>14. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>-1.696.792.808</b>	<b>-877.107.225</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>48.802.600.967</b>	<b>18.315.496.424</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	4.643.810.542	4.419.864.770
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	-1.399.062.201	-996.992.820
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>45.557.852.626</b>	<b>14.892.624.474</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		44.205.133.434	14.509.418.094
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.352.719.192	383.206.380
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.10a	7.763	2.695
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	7.763	2.695

### III. THÔNG QUA VIỆC LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2018

Để đảm bảo thuận lợi cho công tác điều hành, HĐQT kính đề nghị ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán sau đây thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước):

- (1) Công ty Kiểm toán Mỹ ( AA)
- (2) Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học - AISC
- (3) Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính & Kiểm toán Việt Nam
- (4) Công ty Kiểm toán và Tư vấn ( A&C)
- (5) Công ty TNHH kiểm toán Sao Việt.

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số công ty kiểm toán còn lại trong Danh sách được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét các báo cáo tài chính bán niên.

### IV. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017.

#### Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 :

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và quy định về tỷ lệ trích lập các quỹ trong Điều lệ Công ty, HĐQT kính trình ĐHCĐ thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau :

#### *\* Phân phối lợi nhuận năm 2017*

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất toàn bộ lợi nhuận năm 2017 sẽ được đầu tư vào Công ty Mẹ nhằm đầu tư, trang bị các máy móc thiết bị công nghệ hiện đại để nâng cao năng suất sản xuất và xử lý môi trường. Đồng thời bổ sung vào nguồn vốn lưu động do ngân hàng giảm hạn mức tín dụng.

#### *\* Thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2017 và đề xuất thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018 :*

- Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2017 : 0,5%/LNST
- Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018 dự kiến: 0,5%/LNST.

**V. THÔNG QUA VIỆC CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM NHIỆM CHỨC VỤ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY.**

Để thuận lợi và đạt hiệu quả cao trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc Chủ tịch HĐQT đồng thời nắm giữ chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.

**VI. THÔNG QUA CHIA CỔ TỨC CHO NĂM 2017:**

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua lợi nhuận đạt được chia cổ tức trong năm 2017 là 10%.

**VII. THÔNG QUA VIỆC ĐẦU TƯ TRẠM NGHIÊN XÍ VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỚI:**

Đại hội thông qua việc đầu tư trạm nghiền xi và sản xuất Vật liệu xây dựng mới tại Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ-Hậu Giang

**VIII. THÔNG QUA VIỆC THỰC HIỆN THÀNH LẬP CÔNG TY TẠI NƯỚC ÚC**

Đại hội cổ đông thông qua việc thành lập Công ty tại Australia. Ủy quyền HĐQT lựa chọn thời gian và ký kết các chứng từ liên quan đến việc thành lập Công ty tại nước Úc. Tên gọi Công ty con tại Australia: CANTCIMEX AUSCO . Vốn điều lệ 01 triệu AUD (Một triệu đô la Australia ), hoặc 800.000 USD (Tám trăm ngàn đô la mỹ)

Trên đây là tờ trình của HĐQT về một số vấn đề xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 xem xét thông qua.

*Trân trọng!*

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2018;
- Các thành viên HĐQT, Ban TGD;
- Các thành viên Ban KS (*để biết*);
- Lưu: VT.

**T.M/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**





Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2018

## TỜ TRÌNH

*(V/v hủy niêm yết cổ phiếu tự nguyện tại Sở GD&ĐT Hà Nội và phương án giải quyết quyền lợi cổ đông bằng việc mua cổ phiếu quỹ)*

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các thông tư hướng dẫn liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ.

Kính thưa Đại hội!

Nhằm thực hiện mục tiêu tập trung tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh, tập trung phát triển doanh nghiệp, HĐQT trình Đại

hội đồng cổ đông thông qua phương án hủy niêm yết tự nguyện tại Sở GDCK Hà Nội và phương án giải quyết quyền lợi cổ đông bằng việc mua cổ phiếu quỹ.

### **1. Phương án hủy niêm yết tự nguyện tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên công ty: CTCP Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;
- Địa chỉ: Quốc lộ 80 - Phường Thới Thuận - Quận Thốt Nốt - TP. Cần Thơ;
- Số điện thoại: 0292.3859315 - 0292.3859216;
- Số fax: 0292.3859562;
- Vốn điều lệ: 61.999.000.000 đồng;
- Số cổ phiếu: 6.199.900 cổ phần;
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần;
- Mã Chứng khoán: CCM;
- Niêm yết tại: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX);
- Thời gian làm thủ tục hủy niêm yết tự nguyện: Ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- Lý do hủy niêm yết tự nguyện: Tập trung việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh; tập trung phát triển doanh nghiệp.

### **2. Phương án giải quyết quyền lợi cổ đông bằng việc mua cổ phiếu quỹ dẫn đến tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu quỹ vượt quá 25% vốn điều lệ mà không cần thực hiện chào mua công khai và không vượt quá 30% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.**

Công ty thực hiện việc mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ từ cổ đông hiện hữu nhằm giải quyết quyền lợi cho cổ đông khi hủy niêm yết với phương án như sau:

- Tên cổ phiếu: cổ phiếu CTCP Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;
- Mã chứng khoán: CCM;
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;
- Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu quỹ hiện tại: 04 cổ phiếu (tương đương 0,000065% tổng số cổ phiếu đã phát hành Công ty);

- Tổng số lượng đăng ký mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ: 1.859.964 (một triệu tám trăm năm mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi tư) cổ phiếu, tương đương với 29,9999% tổng số cổ phiếu đã phát hành của Công ty;
- Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho Công ty mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ dẫn đến tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu quỹ vượt quá 25% vốn điều lệ mà không cần thực hiện việc chào mua công khai, và không vượt quá 30% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Số lượng cổ phiếu quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch dự kiến tối đa là: 1.859.968 (một triệu tám trăm năm mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi tám) cổ phiếu, tương đương với 30% cổ phiếu đã phát hành của Công ty;
- Mục đích mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ: đảm bảo quyền lợi của cổ đông khi Công ty thực hiện hủy niêm yết;
- Giá mua: tối đa 25.000 đồng/cổ phiếu;
- Nguyên tắc xác định giá:
  - o Giá trị sổ sách của cổ phiếu CCM tại thời điểm 31/12/2017 theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{197.832.907.729}{6.199.900} = \mathbf{31.909 \text{ đồng/CP}}$$

- o Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu CCM bình quân 20 phiên gần nhất từ ngày 13/02/2018 đến ngày 19/03/2018 (Nguồn lấy theo Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội):

STT	Ngày giao dịch	Giá đóng cửa (đồng)
1	13/02/2018	22.400
2	21/02/2018	24.200
3	22/02/2018	23.900
4	23/02/2018	25.200
5	26/02/2018	24.700
6	27/02/2018	24.700
7	28/02/2018	24.700



8	1/03/2018	23.000
9	2/03/2018	23.500
10	5/03/2018	23.500
11	6/03/2018	21.300
12	7/03/2018	20.500
13	8/03/2018	20.300
14	9/03/2018	22.200
15	12/03/2018	24.300
16	13/03/2018	24.800
17	14/03/2018	25.000
18	15/03/2018	25.800
19	16/03/2018	24.200
20	19/03/2018	24.200
	<b>BÌNH QUÂN</b>	<b>23.620</b>

**Tổng kết:**

Phương pháp	Giá cổ phiếu (đồng/cp)	Tỷ trọng
Giá trị sổ sách (ngày 31/12/2017)	31.909	15%
Giá giao dịch bình quân 20 phiên	23.620	85%
<b>Trung bình gia quyền</b>	<b>24.863</b>	<b>100%</b>

Theo kết quả tính toán ở trên, giá trị theo bình quân gia quyền cổ phiếu CCM là **24.863** đồng/cổ phiếu. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn giá mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ với mức giá tối đa **25.000 đồng/cổ phiếu (bằng 100,5 % giá trị bình quân nêu trên)**:

- Nguồn vốn thực hiện: từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty năm 2017;
- Phương thức giao dịch: Giao dịch khớp lệnh hoặc thỏa thuận;
- Thời gian thực hiện: Dự kiến trong từ quý 2 và quý 4 năm 2018 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ của \*

Công ty và Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định, nhưng không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện giao dịch. Trong trường hợp mua không đủ số lượng cổ phiếu dự kiến mua lại, ủy quyền cho HĐQT tiếp tục mua cổ phiếu quỹ theo phương án trên và đúng quy định của pháp luật đến khi đủ số lượng dự kiến.

**3. Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện:**

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục có liên quan tới việc hủy niêm yết cổ phiếu tự nguyện trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký giao dịch cổ phiếu CCM trên sàn UPCoM sau khi hủy niêm yết theo các quy định pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung nêu trên.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP. Công ty./.



**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;
- Căn cứ các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 24/3/2018;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 24/03/2018.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo Tổng kết kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018 của Ban điều hành

**a. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017**

Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau :

**CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN :**

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện	So sánh với năm 2016(%)
<b>I</b>	<b>XI MĂNG + OXY (Cty Mẹ)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	205.969.904.315	96,02
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	157.405.208.245	120,4
3	Sản lượng sản xuất:			
	- Xi măng:	Tấn	276.674,75	110,67
	- Hơi kỹ nghệ	Chai	59.467	74,33
4	Doanh thu thuần	Đồng	207.115.986.665	84,02
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	12.099.637.097	108,21





	- Đóng tàu	“	0	
	- Cty Lộc Tài Nguyên	“	200	
	- Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang	“	50.000	
		“		
7	Nộp NSNN	Tr.đồng	8.000	
8	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	7,0	
9	Chia cổ tức	%/năm	10%	

**Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2017**

**Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C)**

**Điều 4: Thông qua việc ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018**

Đại hội đã thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.)

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2018/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2018)

**Điều 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.**

Đại hội đã thống nhất thông qua.

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2018/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2018)

**Điều 6: Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018**

Đại hội thông qua mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2017: 0,5%/LNST

Đại hội thông qua dự toán mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018 là: 0,5%/LNST.

**Điều 7: Thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty**

Đại hội đã thống nhất thông qua Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

**Điều 8: Thông qua việc chia cổ tức năm 2017.**

Đại hội đã thống nhất thông qua việc chia cổ tức của năm 2017

(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2018/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2018)

**Điều 9: Thông qua việc đầu tư trạm nghiên xi và Vật liệu xây dựng mới.**

Đại hội thống nhất thông qua việc đầu tư trạm nghiên xi và sản xuất Vật liệu xây dựng mới tại Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ –Hậu Giang.

*(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2018/TTr-DHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2018)*

**Điều 10: Thông qua việc rút khỏi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

Đại hội đã thống nhất thông qua việc ủy quyền HĐQT về việc rút khỏi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong năm 2018, và thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc hủy niêm yết.

*(Chi tiết theo Tờ trình số 02/2018/TTr-DHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2018)*

**Điều 11: Thông qua việc thực hiện thành lập Công ty tại nước Australia.**

Đại hội đã thống nhất thông qua việc thành lập Công ty tại Úc. Ủy quyền HĐQT lựa chọn thời gian và ký kết các chứng từ liên quan đến việc thành lập Công ty tại nước Úc

*(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2018/TTr-DHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2018)*

**Điều 12: Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này được Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tất cả cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị trực thuộc, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: Thư ký HĐQT, VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Chữ toạ  
  
**THÁI MINH THUYẾT**



TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2018

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018**

### **PHẦN I**

#### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017**

##### **I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2017 :**

###### **1. Khó khăn :**

Năm 2017 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng nói chung và Công ty cổ phần Khoáng sản và xi măng Cần Thơ nói riêng gặp không ít khó khăn về giá cả của các loại nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào như Clinker, xăng, dầu, điện... liên tục điều chỉnh theo hướng tăng.

- Khó khăn hiện tại của Công ty vẫn là vấn đề môi trường. Ảnh hưởng đến thời gian bốc dỡ nguyên liệu và khâu xuất hàng.

- Nhu cầu khách hàng sử dụng tầm vĩ mô cao, nên việc xuất xi măng chưa đáp ứng nhu cầu thị trường ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ xi măng.

- Với tình hình khó khăn hơn bao giờ hết Công ty phải tìm kiếm cơ hội và tận dụng những ưu thế hiện có để đẩy mạnh hoạt động sản xuất nhằm giữ vững mức tăng trưởng theo kế hoạch ĐHCĐ đã đề ra

###### **b/ Thuận lợi :**

- Bên cạnh những khó khăn mà Công ty đã và đang gặp phải thì vẫn có rất nhiều cơ hội thuận lợi, mà chính yếu tố tích cực đó góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

- Sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng tin nhiệm thông qua sự phù hợp về giá cả, ổn định về chất lượng, chăm sóc khách hàng thường xuyên và chính sách khuyến mãi hợp lý.

- Nhạy bén nhận định thị trường và nắm bắt tốt thời cơ Công ty đã và đang mở rộng sản xuất kinh doanh sang nhiều lĩnh vực như bất động sản, bê tông, gạch.... đã tạo thêm sự phong phú trong hoạt động kinh doanh và tạo sự gắn kết chặt chẽ, phát huy tối đa năng lực để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

##### **2. Một số chỉ tiêu đạt được trong năm 2017 của Công ty Mẹ và Công ty con :**

<b>STT</b>	<b>Các chỉ tiêu chủ yếu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>So sánh với năm 2016(%)</b>
<b>I</b>	<b>XI MĂNG + OXY (Cty Mẹ)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	205.969.904.315	96,02
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	157.405.208.245	120,4
3	Sản lượng sản xuất:			
	- Xi măng:	Tấn	276.674,75	110,67
	- Hơi kỹ nghệ	Chai	59.467	74,33
4	Doanh thu thuần	Đồng	207.115.986.665	84,02
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	12.099.637.097	108,21
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	10.763.392.046	123
7	Nộp ngân sách	Đồng	4.889.350.345	72,49
<b>II</b>	<b>Cty BẤT ĐỘNG SẢN (Cty con)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	51.749.058.734	108,21
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	43.864.356.990	119,27
3	Doanh thu thuần	Đồng	42.513.927.153	133,15
4	Lợi nhuận trước thuế		14.042.005.370	176,86
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	12.900.162.892	206,92
<b>III</b>	<b>Cty LỘC TÀI NGUYÊN (Cty con)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	3.185.784.673	92,77
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	517.705.952	193,9
3	Doanh thu thuần	Đồng	4.679.120.000	139,3
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	256.451.952	
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	250.811.610	
<b>IV</b>	<b>Cty XI MĂNG CT – HG (Cty con)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	321.860.860.827	169,84
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	140.285.316.962	135,7
3	Doanh thu thuần	Đồng	482.715.240.245	532,2
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	42.776.204.399	
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	40.610.481.386	

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD :**

### **1. Lĩnh vực sản xuất xi măng :**

Năm 2017 sản xuất xi măng: 276.674,75 tấn. Đạt 110.67 % so với kế hoạch 250.000 tấn.

### **2. Lĩnh vực sản xuất Hơi kỹ nghệ (oxy) :**

Năm 2017 sản xuất được: 59.467 chai đạt 74,33% so với kế hoạch 80.000 chai.

Nguyên nhân chính là do các xưởng đóng tàu hoạt động còn chậm, và hiện nay các trạm chiết ôxy lỏng ngày càng nhiều. Tác động mạnh đến sản lượng của công ty.

### **3. Lĩnh vực kinh doanh Bất Động Sản :**

Trong năm 2017, việc kinh doanh bất động tương đối thuận lợi, do nhu cầu của khách hàng tăng từ đầu năm 2017 và cơn sốt về bất động sản, cộng thêm thuận lợi về việc vay vốn ngân hàng trong việc giải ngân mua nhà, đất; tạo ra phần lớn những khách hàng thật sự có nhu cầu về khả năng kinh tế đáp ứng được.

Hiện tại đến nay Công ty đã kinh doanh chuyển nhượng khoảng 60% số đất nền (215 nền trong tổng số 364 nền), chủ yếu còn lại là phần đất nền giao tái định cư.

Phần giao nền tái định cư cũng đang có chiều hướng tích cực, do đại đa số người dân chịu nhận nền tái định cư vì hiện nay giá đất đang tăng lên và phần lớn họ có nhu cầu nhận nền đất để ở ổn định.

Ngoài việc kinh doanh bất động sản, Công ty cũng đã ký kết các Hợp đồng thi công xây dựng các hạng mục của Dự án Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang (Dây chuyền 2) với tổng số tiền khoảng 49 tỷ đồng, đã mang lại kết quả lợi nhuận mong muốn.

### **4. Công ty cổ phần Khoáng sản Lộc Tài Nguyên :**

Hiện đang gia công cho Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ, với lợi thế đa dạng nhiều vỏ bao, phân khúc thị trường

Năm 2017 sản xuất : 23.395,6 tấn đạt 93,58% so với kế hoạch 25.000 tấn.

### **5. Công ty TNHH MTV xi măng Cần Thơ – Hậu Giang :**

**Kết quả đầu tư Dây chuyền 2 .**

***Kết quả đầu tư Giai đoạn 1 Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang.***

Trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành đầu tư và xây dựng thêm Dây chuyền 2 : Dự án đầu tư Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang, cụ thể :

- Tổng mức đầu tư theo dự toán cho toàn bộ Dây chuyền 2 :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng đầu tư máy móc thiết bị	Triệu đồng	39.000	
2	Tổng mức xây dựng	Triệu đồng	59.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>98.000</b>	



- Tổng số đầu tư cho Dự án Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang (giai đoạn 1) đã hoàn thành và được quyết toán cho **02 Dây chuyền**, cụ thể :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Hệ thống máy nghiền : 02 dây chuyền	Triệu đồng	80.000	
2	Tổng chi phí xây dựng	Triệu đồng	84.000	
3	Tổng đầu tư mua thiết bị	Triệu đồng	33.000	
4	Đầu tư phương tiện vận tải	Triệu đồng	50.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>247.0 00</b>	

- Các hạng mục của Dự án đã được Ban quản lý các KCN tỉnh Hậu Giang thẩm duyệt thiết kế cơ sở, Sở xây dựng thẩm định thiết kế kỹ thuật bản vẽ và được Ban quản lý Các KCN tỉnh Hậu Giang miễn giấy phép xây dựng theo qui định.

- Dự án đã được Kiểm toán độc lập chuyên ngành xây dựng (Công ty kiểm toán A & C) kiểm toán và đã thực hiện theo đúng qui định.

#### **6. Sản xuất gạch ống không nung:**

- Năm 2017 công ty sản xuất cầm chừng do hiện tại thị trường tiêu thụ gạch chưa mạnh. Và do giá thành gạch còn quá cao chưa phù hợp với thị trường. Chờ xỉ than của nhiệt điện Sông Hậu ra lò. Công ty sẽ phá triển lĩnh vực này.

#### **7. Các hoạt động khác :**

##### **7.1. Công tác đoàn thể đời sống :**

- Năm 2017 đời sống vật chất và tinh thần của CB – CNV được nâng cao, thu nhập của CB – CNV tăng hơn so với năm trước. Do tạo được công ăn việc làm ổn định đời sống cho người lao động với mức thu nhập bình quân trên 6 – 6,5 triệu đồng/người

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động nhằm nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực công tác phục vụ cho công ty, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp hơn, vững chắc, năng động, phát động và xây dựng đời sống văn hoá, văn hóa công sở trong toàn Đơn vị gắn liền với công tác giữ gìn và bảo vệ môi trường.

##### **7.2. Công tác đóng góp xây dựng và phúc lợi xã hội :**

Trong năm 2017, Công ty tham gia góp phần xây dựng xã hội, quan tâm hỗ trợ người nghèo, khó khăn và các chương trình hành động phúc lợi xã hội như:

- Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế dân cư bên sông, hỗ trợ trường THCS Thới Thuận 1, Hỗ trợ bảo vệ dân phòng P.Thới Thuận, hỗ trợ phong trào TĐTT đoàn thanh niên, Ủng hộ tập học sinh ở các đại phương như: Vĩnh Long, Trà Nóc, Vĩnh Trinh, Thới Thuận:

- Hỗ trợ cho giáo dục bằng tiền và hiện vật.

- Đóng góp thăm hỏi CB – CNV công ty, ủng hộ khác:

**Tổng số tiền đóng góp phúc lợi xã hội : 250.000.000 đồng.**

## **PHẦN II**

### **KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018**

#### **I. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 :**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KH 2018</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Sản xuất xi măng	Tấn	<b>950.000</b>	XMCT: 250.000 tấn XMCT-HG: <b>700.000 tấn</b>
2	Sản xuất Hơi kỹ nghệ	Chai	80.000	
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	860.000	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	65.300	
	Bao gồm: - Xi măng Cần Thơ	Tr.đồng	10.000	
	- Ô xy	Tr.đồng	100	
	- Bất động sản	Tr.đồng	5.000	
	- Công ty Lộc Tài Nguyên	Tr.đồng	200	
	- Xi măng Cần Thơ-HG	Tr.đồng	50.000	
5	Nộp NSNN	Tr.đồng	10.000	
6	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	7	

#### **II. Các giải pháp thực hiện kế hoạch :**

##### **1. Sản xuất kinh doanh xi măng :**

Kế hoạch sản xuất năm 2017 của toàn Công ty là : 950.000 tấn xi măng.

Để đạt được sản lượng 950.000 tấn/năm. Toàn thể CB – CNV Công ty nói chung và Bộ phận Phòng kinh doanh phải năng động, phát huy tối đa tiềm năng, tiềm lực và tích cực mở rộng thêm thị trường ở tất cả các Khu vực, đồng thời kết hợp với bộ phận Marketing phải thường xuyên quảng bá sản phẩm, thực hiện chăm sóc các khách hàng truyền thống để tăng sản lượng, kết hợp gia công cho Tophome, Star Home, Xi măng Hà Tiên và Xi măng Lavica.

Cải tiến công nghệ xuất hàng hóa bằng cách thiết kế băng tải có trục xuất vòng để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của khách hàng.

##### **2. Sản xuất kinh doanh hơi kỹ nghệ :**

Năm 2018 dự kiến Nhà máy sẽ cung ứng cho thị trường khoảng 80.000 chai khí oxy, góp phần mang lại hiệu quả hoạt động kinh doanh chung của toàn công ty.

##### **3. Công ty cổ phần Khoáng sản Lộc Tài Nguyên :**

Tiếp tục duy trì gia công cho Công ty cổ phần Khoáng sản và xi măng Cần Thơ Với sản lượng trên 25.000 tấn/năm.

Hoàn thiện dần hệ thống máy móc thiết bị, xử lý nhanh chóng khi có hư hỏng nhỏ, sản xuất kịp thời để đáp ứng kịp thời sản phẩm cho khách hàng để đạt được sản lượng 30.000tấn/năm

Trong năm 2018 tận dụng những ưu thế của các NPPC: Vốn , kinh nghiệm kinh doanh, mạng lưới các đại lý, phương tiện vận chuyển để phát triển thị trường.

Phát huy hết công sức máy để tăng trưởng sản lượng tại Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Lộc Tài Nguyên.

#### **4. Công ty TNHH MTV xi măng Cần Thơ – Hậu Giang :**

***Kế hoạch giải phóng mặt bằng và đầu tư trong năm 2018.***

***\* Kế hoạch giải phóng mặt bằng :***

- Hiện tại Công ty đang hoàn thiện làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại của Dự án Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang khoảng 03 héc ta.

- Dự kiến Công ty sẽ bồi hoàn giải phóng mặt bằng thêm 01 héc ta phần đất mặt tiền phía ngoài đường Nam sông Hậu theo đúng qui hoạch của Ban Quản lý Các KCN tỉnh Hậu Giang. Số tiền dự kiến bồi thường khoảng 6 tỷ đồng/ha.

Đồng thời, chi thêm để giải phóng mặt bằng phần đất giáp đường dân sinh, phía bờ sông, dự kiến chi khoảng 5 tỷ đồng.

***\* Kế hoạch đầu tư :***

***+ Hệ thống nghiền xỉ than***

Hiện tại Dây chuyền 1 và dây chuyền 2 đã đáp được nguồn hàng hóa liên tục cho hệ thống Nhà phân phối của Công ty.

Nhằm mở rộng ngành nghề kinh doanh mặt hàng xỉ than, Ban Lãnh đạo công ty quyết định đầu tư thêm Dây chuyền 3 để nghiền xỉ than cung cấp cho Dự án sản xuất vật liệu xây dựng mới.

+ Đầu tư nhà máy sản xuất trần thạch cao và tấm vách đa dạng thuộc loại vật liệu mới không nung ( tấm phôm cospha, ngói, tấm shora làm sàn nhà).

Trên cơ sở nguồn nguyên liệu xỉ than, tro bay và kết hợp với các nguyên vật liệu khác, trong năm 2018, Ban Tổng giám đốc sẽ nghiên cứu và đầu tư Hệ thống máy sản xuất trần thạch cao và tấm vách đa dạng với giá thành rất cạnh tranh và đây là mặt hàng rất khả quan sẽ đem lại kết quả lợi nhuận mong muốn trong thời gian tới.

Thông qua các phương hướng, các thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh ngành nghề xi măng hiện tại và tầm quan sát vĩ mô của Ban Tổng Giám đốc đã tham mưu đề xuất cho Hội đồng quản trị Công ty Mẹ tiếp tục đầu tư thêm Dây chuyền 3 và nhà máy sản xuất trần thạch cao và vách nhà đa dụng, tấm phôm cospha, ngói, tấm shora sàn nhà cụ thể:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng đầu tư máy móc thiết bị DC3	Triệu đồng	30.000	
2	Tổng đầu tư Máy sản xuất vật liệu mới	Triệu đồng	40.000	



	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>70.000</b>	
--	------------------	-------------------	---------------	--

***Nguồn vốn đầu tư trong năm 2018.***

- Hoàn thiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần còn lại của Dự án hơn 03 héc ta để tăng hạn mức vay vốn ngắn hạn tại BIDV Cần Thơ lên đủ 120 tỷ đồng.

- Sử dụng 95% lợi nhuận sau thuế đạt được trong năm 2017 để tiếp tục đầu tư cho Dây chuyền 3 và hệ thống máy móc thiết bị trên.

**5. Công ty cổ phần Bất động sản Cantcimex :**

**1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2018.**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	Ghi chú
1	Kinh doanh Bất động sản	Nền	40	
2	Thi công các hạng mục của Dây chuyền 3 của Cty xi măng CT-HG	<i>Theo khái toán xây dựng DC3 khoảng hơn 20 tỷ đồng</i>		
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	25.000	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	5.000	

**2. Định hướng của Công ty.**

Theo hướng kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều khả quan nhưng để đạt được kế hoạch đề ra đòi hỏi Công ty phải kế hoạch chi tiết, rõ ràng về tài chính, về nhân lực. Đặc biệt là việc thi công xây dựng Dây chuyền 3 của Nhà máy xi măng Cần Thơ – Hậu Giang theo đúng tiến độ.

a. **Về tài chính :**

- Tiếp tục tích cực hơn nữa về việc kinh doanh chuyển nhượng bất động sản, đồng thời thúc đẩy Ban quản lý các KCN tỉnh Hậu Giang giao nhận nền tái định cư.

- Sử dụng hiệu quả lợi nhuận tích lũy các năm qua.

b. **Về nhân lực :**

- Tiếp tục sử dụng hiệu quả công tác thi công của Dây chuyền 3 là thuê khoán và kiểm soát chặt chẽ lao động chính thức của Công ty.

- Luôn đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động.

**6. Đầu tư nước ngoài, thành lập Công ty con tại Australia (AU) :**

Thành lập Công ty con tại AU với tên gọi CANTCIMEX AUSCO. **Vốn điều lệ** 01 triệu AUD (Một triệu đô la Australia ) hoặc 800.000 USD (Tám trăm ngàn đô la mỹ)

**7. Rút khỏi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội:**

Công ty hủy niêm yết tự nguyện tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Thời gian thực hiện trong năm 2018.

### **III. Kết luận :**

Năm 2018, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB – CNV Công ty đã đoàn kết quyết tâm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong điều kiện bối cảnh kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo được việc làm ổn định cho người lao động trong toàn công ty với mức thu nhập tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2018 sẽ là năm có nhiều khó khăn, giá nguyên liệu tăng. Tuy nhiên Chủ Tịch HĐQT cùng Ban Tổng Giám Đốc và toàn thể CB – CNV Công ty cố gắng nỗ lực hết sức mình để đưa việc hoạt động sản xuất kinh doanh đạt lợi nhuận cao nhất.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB – CNV Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn và chúc Quý đại biểu, Quý cổ đông nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt./.

**Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2018**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**THÁI MINH THUYẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN & XI MĂNG CẦN THƠ**

Trước tiên, tôi xin phép thay mặt Ban Kiểm soát gửi đến Quý Cổ đông, Quý Đại biểu có mặt tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2018 lời chúc sức khỏe và thành đạt.

Kính thưa Quý Đại biểu !

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Ban Kiểm Soát được qui định trong Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ, Ban kiểm soát xin báo cáo hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2017 tới Đại hội đồng cổ đông như sau :

1. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính : kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Kiểm toán độc lập để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh : xem xét, đánh giá các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo.

3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT: xem xét, đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2017 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

4. Một số kiến nghị.

**Nội dung chính báo cáo :**

**1. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính :**

Công tác kế toán Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Ban Kiểm soát đồng ý với các số liệu Báo cáo tài chính do Công ty lập.



## 2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh :

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2017 :

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>174.418.839.265</b>	<b>148.182.712.590</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>33.239.330.241</b>	<b>26.981.503.661</b>
1. Tiền	111		33.239.330.241	26.981.503.661
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.650.000</b>	<b>1.650.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	<b>V.2a</b>	1.650.000	1.650.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.609.914.401</b>	<b>60.917.974.829</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	63.331.038.443	60.887.996.294
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.4</b>	8.993.904.785	7.628.318.166
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.5</b>	11.129.263.082	7.097.618.989
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	<b>V.6</b>	-17.127.685.206	-14.979.351.917
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139	<b>V.7</b>	283.393.297	283.393.297
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>61.779.460.035</b>	<b>50.936.068.378</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.8</b>	61.779.460.035	50.936.068.378
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.788.484.588</b>	<b>9.345.515.722</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.9a</b>	2.248.943.320	1.760.042.988
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.036.643.349	7.585.472.734
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>V.16</b>	502.597.919	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>249.029.386.465</b>	<b>161.602.703.359</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>226.158.031.035</b>	<b>141.139.531.150</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.10</b>	<b>189.297.411.116</b>	<b>106.404.767.607</b>
- Nguyên giá	222		248.291.409.518	150.694.964.759
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-58.993.998.402	-44.290.197.152
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		<b>2.985.202.272</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	225		3.142.318.182	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-157.115.910	0
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.11</b>	<b>33.875.417.647</b>	<b>34.734.763.543</b>
- Nguyên giá	228		38.293.730.405	38.293.730.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-4.418.312.758	-3.558.966.862
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0

<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.511.316.468</b>	<b>6.973.137.906</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	7.511.316.468	6.973.137.906
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	5.347.894.510	5.347.894.510
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.178.246.800	2.178.246.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	-7.526.141.310	-7.526.141.310
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.490.034.303</b>	<b>13.490.034.303</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	11.215.439.774	10.744.497.316
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	4.144.599.188	2.745.536.987
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
5. Lợi thế thương mại	269		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>423.448.225.730</b>	<b>309.785.415.949</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>225.615.318.001</b>	<b>172.446.418.449</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>164.091.710.436</b>	<b>118.289.676.045</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	28.331.615.831	30.087.675.613
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	7.228.820.946	10.814.630.476
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	2.825.940.104	3.321.805.790
4. Phải trả người lao động	314	V.17	5.572.590.322	2.081.446.780
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.228.143.113	2.920.472.911
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	1.830.753.886	793.996.211
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	116.751.994.871	68.215.739.298
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.21	321.851.363	53.908.966
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>61.523.607.565</b>	<b>54.156.742.404</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		138.411.635	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		197.000.000	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	61.188.195.930	54.156.742.404
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>197.832.907.729</b>	<b>137.338.997.500</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>197.832.907.729</b>	<b>137.338.997.500</b>
<b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>	<b>V.22a</b>	<b>61.199.000.000</b>	<b>46.000.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.199.000.000	46.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	33.450.000.000	33.450.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22a	571.183.239	571.183.239
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22a	-40.000	-40.000
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	19.914.209.446	19.914.209.446

9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
<b>11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>	<b>V.22a</b>	<b>77.382.692.857</b>	<b>33.659.331.181</b>
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.177.559.423	19.149.913.087
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44.205.133.434	14.509.418.094
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	4.515.862.187	3.744.313.634
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>423.448.225.730</b>	<b>309.785.415.949</b>

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD HỢP NHẤT NĂM 2017

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	695.811.911.878	348.514.884.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.189.790.497	1.187.509.814
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>693.622.121.381</b>	<b>347.327.375.071</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	600.230.782.630	303.908.583.873
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>93.391.338.751</b>	<b>43.418.791.198</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	400.498.370	45.430.371
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.000.596.315	8.054.297.141
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.014.106.896	8.053.947.846
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		0	0
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	17.186.643.739	5.951.145.186
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.105.203.292	10.266.175.593
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>50.499.393.775</b>	<b>19.192.603.649</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.7	259.888.517	492.504.251
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.956.681.325	1.369.611.476
<b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>-1.696.792.808</b>	<b>-877.107.225</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>48.802.600.967</b>	<b>18.315.496.424</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	4.643.810.542	4.419.864.770
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	-1.399.062.201	-996.992.820
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>45.557.852.626</b>	<b>14.892.624.474</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		44.205.133.434	14.509.418.094
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.352.719.192	383.206.380
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.10a	7.763	2.695
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	7.763	2.695

Phần lớn lợi nhuận được thực hiện từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh xi măng.

### 3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và Ban kiểm soát :

Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên và Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.



Ban kiểm soát đánh giá cao tính năng động, kịp thời trong các hoạt động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Về cơ bản năm 2017 HĐQT Công ty và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình và các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ năm 2017 thông qua.

#### **4. Một số kiến nghị :**

Ban kiểm soát Công ty có một số đề xuất với HĐQT & Ban Tổng giám đốc công ty như sau:

Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, hình thức tuyển dụng nhằm thu hút lao động có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm.

Chúng tôi chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban trực thuộc Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Trên đây là một số nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty. Rất mong được quý cổ đông đóng góp ý kiến để Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong thời gian tới.

**Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2018**

**TM. Ban kiểm soát**

**Nguyễn Thái Thanh Phong**

## BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

### **1. Tổ chức Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ gồm 05 thành viên như sau :

- |                        |           |   |
|------------------------|-----------|---|
| - Ông Thái Minh Thuyết | Chức vụ : | Chủ tịch HĐQT                                   |
| - Bà Nguyễn Thị Út Em  | Chức vụ : | Thành viên HĐQT                                 |
| - Ông Trần Minh Quang  | Chức vụ : | Thành viên HĐQT                                 |
| - Ông Thái Châu        | Chức vụ : | Thành viên HĐQT                                 |
| - Ông Phan Hoàng Tuấn  | Chức vụ : | Thành viên HĐQT ( đã miễn nhiệm ngày 14/6/2017) |

### **2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017.**

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo đến toàn thể Quý cổ đông về kết quả thực hiện năm 2017 như sau:

Thực hiện các chỉ tiêu năm 2017:

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ (%)
01	Tổng doanh thu	Triệu đồng	348.000	737.022	211
02	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	18.315	67.837	370
03	Mức cổ tức dự kiến	10%		6199,9	
04	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	6,5	6,8	107

### **3. Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2017**

Thông qua các kỳ họp, HĐQT đã thực hiện quyền quản lý điều hành của mình trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch, tờ trình liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.

Bên cạnh đó, giữa các kỳ họp định kỳ của HĐQT, để giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty, HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, bảo đảm tuân thủ đúng quy định.

### **4. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2018.**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Kế hoạch 2018</b>
01	Tổng doanh thu	Triệu đồng	760.000
02	Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	33.200
03	Mức cổ tức dự kiến	10 %	
04	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	7

- Đầu tư trạm nghiền xỉ và sản xuất Vật liệu xây dựng mới tại Hậu Giang.
- Đầu tư thành lập Công ty con tại nước Úc (AU).
- Công ty hủy niêm yết tự nguyện tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong năm 2018.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2017 và kế hoạch năm 2018. Kính đề nghị Đại hội xem xét, thảo luận, thông qua.

Chân thành cảm ơn Quý cổ đông !

**Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2018**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch HĐQT**

**THÁI MINH THUYẾT**



## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 60/2005/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số: 70/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017 thông qua một số nội dung như sau :

#### **I. THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C.**

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C, tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định và đã được HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ công bố theo quy định, bao gồm :

- (1) Báo cáo của Kiểm toán viên;
- (2) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017;
- (3) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017;
- (4) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- (5) Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

#### **II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2017 :**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>174.418.839.265</b>	<b>148.182.712.590</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>33.239.330.241</b>	<b>26.981.503.661</b>
1. Tiền	111		33.239.330.241	26.981.503.661

2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.650.000</b>	<b>1.650.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1.650.000	1.650.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.609.914.401</b>	<b>60.917.974.829</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	63.331.038.443	60.887.996.294
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.993.904.785	7.628.318.166
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	11.129.263.082	7.097.618.989
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-17.127.685.206	-14.979.351.917
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139	V.7	283.393.297	283.393.297
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>61.779.460.035</b>	<b>50.936.068.378</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	61.779.460.035	50.936.068.378
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.788.484.588</b>	<b>9.345.515.722</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.248.943.320	1.760.042.988
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.036.643.349	7.585.472.734
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	502.597.919	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>249.029.386.465</b>	<b>161.602.703.359</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>226.158.031.035</b>	<b>141.139.531.150</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V.10</b>	<b>189.297.411.116</b>	<b>106.404.767.607</b>
- Nguyên giá	222		248.291.409.518	150.694.964.759
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-58.993.998.402	-44.290.197.152
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		<b>2.985.202.272</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	225		3.142.318.182	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-157.115.910	0
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V.11</b>	<b>33.875.417.647</b>	<b>34.734.763.543</b>
- Nguyên giá	228		38.293.730.405	38.293.730.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-4.418.312.758	-3.558.966.862
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.511.316.468</b>	<b>6.973.137.906</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	7.511.316.468	6.973.137.906
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	5.347.894.510	5.347.894.510
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.178.246.800	2.178.246.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	-7.526.141.310	-7.526.141.310
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.490.034.303</b>	<b>13.490.034.303</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	11.215.439.774	10.744.497.316
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	4.144.599.188	2.745.536.987
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0

5. Lợi thế thương mại	269		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>423.448.225.730</b>	<b>309.785.415.949</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>225.615.318.001</b>	<b>172.446.418.449</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>164.091.710.436</b>	<b>118.289.676.045</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	28.331.615.831	30.087.675.613
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	7.228.820.946	10.814.630.476
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.16	2.825.940.104	3.321.805.790
4. Phải trả người lao động	314	V.17	5.572.590.322	2.081.446.780
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.228.143.113	2.920.472.911
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	1.830.753.886	793.996.211
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	116.751.994.871	68.215.739.298
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.21	321.851.363	53.908.966
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>61.523.607.565</b>	<b>54.156.742.404</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		138.411.635	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		197.000.000	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	61.188.195.930	54.156.742.404
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>197.832.907.729</b>	<b>137.338.997.500</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>197.832.907.729</b>	<b>137.338.997.500</b>
<b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>	<b>V.22a</b>	<b>61.199.000.000</b>	<b>46.000.000.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.199.000.000	46.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	33.450.000.000	33.450.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22a	571.183.239	571.183.239
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22a	-40.000	-40.000
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	19.914.209.446	19.914.209.446
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
<b>11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>	<b>V.22a</b>	<b>77.382.692.857</b>	<b>33.659.331.181</b>
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.177.559.423	19.149.913.087
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44.205.133.434	14.509.418.094
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	4.515.862.187	3.744.313.634
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>423.448.225.730</b>	<b>309.785.415.949</b>

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD HỢP NHẤT NĂM 2017



Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	695.811.911.878	348.514.884.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.189.790.497	1.187.509.814
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>693.622.121.381</b>	<b>347.327.375.071</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	600.230.782.630	303.908.583.873
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>93.391.338.751</b>	<b>43.418.791.198</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	400.498.370	45.430.371
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.000.596.315	8.054.297.141
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.014.106.896	8.053.947.846
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		0	0
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	17.186.643.739	5.951.145.186
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.105.203.292	10.266.175.593
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>50.499.393.775</b>	<b>19.192.603.649</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.7	259.888.517	492.504.251
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.956.681.325	1.369.611.476
<b>14. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>-1.696.792.808</b>	<b>-877.107.225</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>48.802.600.967</b>	<b>18.315.496.424</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	4.643.810.542	4.419.864.770
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	-1.399.062.201	-996.992.820
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>45.557.852.626</b>	<b>14.892.624.474</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		44.205.133.434	14.509.418.094
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.352.719.192	383.206.380
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.10a	7.763	2.695
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	7.763	2.695

### III. THÔNG QUA VIỆC LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2018

Để đảm bảo thuận lợi cho công tác điều hành, HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán sau đây thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét các báo cáo tài chính quý (*nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước*):

- (1) Công ty Kiểm toán Mỹ ( AA)
- (2) Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học - AISC
- (3) Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính & Kiểm toán Việt Nam
- (4) Công ty Kiểm toán và Tư vấn ( A&C)
- (5) Công ty TNHH kiểm toán Sao Việt.

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số công ty kiểm toán còn lại trong Danh sách được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét các báo cáo tài chính bán niên.

### IV. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017.

#### **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 :**

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và quy định về tỷ lệ trích lập các quỹ trong Điều lệ Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau :

#### ***\* Phân phối lợi nhuận năm 2017***

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất toàn bộ lợi nhuận năm 2017 sẽ được đầu tư vào Công ty Mẹ nhằm đầu tư, trang bị các máy móc thiết bị công nghệ hiện đại để nâng cao năng suất sản xuất và xử lý môi trường. Đồng thời bổ sung vào nguồn vốn lưu động do ngân hàng giảm hạn mức tín dụng.

#### ***\* Thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2017 và đề xuất thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018 :***

- Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2017 : 0,5%/LNST
- Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018 dự kiến: 0,5%/LNST.

## **V. THÔNG QUA VIỆC CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM NHIỆM CHỨC VỤ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY.**

Để thuận lợi và đạt hiệu quả cao trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc Chủ tịch HĐQT đồng thời nắm giữ chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.

## **VI. THÔNG QUA CHIA CỔ TỨC CHO NĂM 2017:**

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua lợi nhuận đạt được chia cổ tức trong năm 2017 là 10%.

## **VII. THÔNG QUA VIỆC ĐẦU TƯ TRẠM NGHIÊN XÍ VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG MỚI:**

Đại hội thông qua việc đầu tư trạm nghiền xỉ và sản xuất Vật liệu xây dựng mới tại Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ-Hậu Giang

## **VIII. THÔNG QUA VIỆC THỰC HIỆN THÀNH LẬP CÔNG TY TẠI NƯỚC ÚC**

Đại hội cổ đông thông qua việc thành lập Công ty tại Australia. Ủy quyền HĐQT lựa chọn thời gian và ký kết các chứng từ liên quan đến việc thành lập Công ty tại nước Úc. Tên gọi Công ty con tại Australia: CANTCIMEX AUSCO. **Vốn điều lệ** 01 triệu AUD (Một triệu đô la Australia ). hoặc 800.000 USD (Tám trăm ngàn đô la mỹ)

Trên đây là tờ trình của HĐQT về một số vấn đề xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 xem xét thông qua.

***Trân trọng!***

### **Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2018;
- Các thành viên HĐQT, Ban TGD;
- Các thành viên Ban KS (*để biết*);
- Lưu: VT.

**T.M/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**THÁI MINH THUYẾT**

Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2018

## **TỜ TRÌNH**

*(V/v hủy niêm yết cổ phiếu tự nguyện tại Sở GDCK Hà Nội và phương án giải quyết quyền lợi cổ đông bằng việc mua cổ phiếu quỹ)*

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các thông tư hướng dẫn liên quan;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ.

Kính thưa Đại hội!



Nhằm thực hiện mục tiêu tập trung tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh, tập trung phát triển doanh nghiệp, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án hủy niêm yết tự nguyện tại Sở GDCK Hà Nội và phương án giải quyết quyền lợi cổ đông bằng việc mua cổ phiếu quỹ.

### **1. Phương án hủy niêm yết tự nguyện tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Tên công ty: CTCP Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;
- Địa chỉ: Quốc lộ 80 - Phường Thới Thuận - Quận Thốt Nốt - TP. Cần Thơ;
- Số điện thoại: 0292.3859315 - 0292.3859216;
- Số fax: 0292.3859562;
- Vốn điều lệ: 61.999.000.000 đồng;
- Số cổ phiếu: 6.199.900 cổ phần;
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần;
- Mã Chứng khoán: CCM;
- Niêm yết tại: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX);
- Thời gian làm thủ tục hủy niêm yết tự nguyện: Ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- Lý do hủy niêm yết tự nguyện: Tập trung việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh; tập trung phát triển doanh nghiệp.

### **2. Phương án giải quyết quyền lợi cổ đông bằng việc mua cổ phiếu quỹ dẫn đến tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu quỹ vượt quá 25% vốn điều lệ mà không cần thực hiện chào mua công khai và không vượt quá 30% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.**

Công ty thực hiện việc mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ từ cổ đông hiện hữu nhằm giải quyết quyền lợi cho cổ đông khi hủy niêm yết với phương án như sau:

- Tên cổ phiếu: cổ phiếu CTCP Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;
- Mã chứng khoán: CCM;
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;

- Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu quỹ hiện tại: 04 cổ phiếu (tương đương 0,000065% tổng số cổ phiếu đã phát hành Công ty);
- Tổng số lượng đăng ký mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ: 1.859.964 (một triệu tám trăm năm mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi tư) cổ phiếu, tương đương với 29,9999% tổng số cổ phiếu đã phát hành của Công ty;
- Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho Công ty mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ dẫn đến tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu quỹ vượt quá 25% vốn điều lệ mà không cần thực hiện việc chào mua công khai, và không vượt quá 30% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Số lượng cổ phiếu quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch dự kiến tối đa là: 1.859.968 (một triệu tám trăm năm mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi tám) cổ phiếu, tương đương với 30% cổ phiếu đã phát hành của Công ty;
- Mục đích mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ: đảm bảo quyền lợi của cổ đông khi Công ty thực hiện hủy niêm yết;
- Giá mua: tối đa 25.000 đồng/cổ phiếu;
- Nguyên tắc xác định giá:
  - o Giá trị sổ sách của cổ phiếu CCM tại thời điểm 31/12/2017 theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{197.832.907.729}{6.199.900} = \mathbf{31.909 \text{ đồng/CP}}$$

- o Giá trị thị trường giao dịch của cổ phiếu CCM bình quân 20 phiên gần nhất từ ngày 13/02/2018 đến ngày 19/03/2018 (Nguồn lấy theo Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội):

STT	Ngày giao dịch	Giá đóng cửa (đồng)
1	13/02/2018	22.400
2	21/02/2018	24.200
3	22/02/2018	23.900
4	23/02/2018	25.200
5	26/02/2018	24.700

6	27/02/2018	24.700
7	28/02/2018	24.700
8	1/03/2018	23.000
9	2/03/2018	23.500
10	5/03/2018	23.500
11	6/03/2018	21.300
12	7/03/2018	20.500
13	8/03/2018	20.300
14	9/03/2018	22.200
15	12/03/2018	24.300
16	13/03/2018	24.800
17	14/03/2018	25.000
18	15/03/2018	25.800
19	16/03/2018	24.200
20	19/03/2018	24.200
	<b>BÌNH QUÂN</b>	<b>23.620</b>

**Tổng kết:**

<b>Phương pháp</b>	<b>Giá cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>Tỷ trọng</b>
Giá trị sổ sách (ngày 31/12/2017)	31.909	15%
Giá giao dịch bình quân 20 phiên	23.620	85%
<b>Trung bình gia quyền</b>	<b>24.863</b>	<b>100%</b>

Theo kết quả tính toán ở trên, giá trị theo bình quân gia quyền cổ phiếu CCM là **24.863** đồng/cổ phiếu. ĐHDCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn giá mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ với mức giá tối đa **25.000 đồng/cổ phiếu (bằng 100,5 % giá trị bình quân nêu trên)**:

- Nguồn vốn thực hiện: từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty năm 2017;

- Phương thức giao dịch: Giao dịch khớp lệnh hoặc thỏa thuận;

- Thời gian thực hiện: Dự kiến trong từ quý 2 và quý 4 năm 2018 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ của Công ty và Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định, nhưng không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện giao dịch. Trong trường hợp mua không đủ số lượng cổ phiếu dự kiến mua lại, ủy quyền cho HĐQT tiếp tục mua cổ phiếu quỹ theo phương án trên và đúng quy định của pháp luật đến khi đủ số lượng dự kiến.

### **3. Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện:**

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục có liên quan tới việc hủy niêm yết cổ phiếu tự nguyện trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục đăng ký giao dịch cổ phiếu CCM trên sàn UPCoM sau khi hủy niêm yết theo các quy định pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung nêu trên.

Trân trọng!

#### **Nơi nhân:**

- Như trên;
- Lưu VP. Công ty./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**THÁI MINH THUYẾT**



**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;
- Căn cứ các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 24/3/2018;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 24/03/2018.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo Tổng kết kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018 của Ban điều hành

**a. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017**

Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau :

**CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN :**

<b>STT</b>	<b>Các chỉ tiêu chủ yếu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>So sánh với năm 2016(%)</b>
<b>I</b>	<b>XI MĂNG + OXY (Cty Mẹ)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	205.969.904.315	96,02
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	157.405.208.245	120,4
3	Sản lượng sản xuất:			
	- Xi măng:	Tấn	276.674,75	110,67
	- Hoi kỹ nghệ	Chai	59.467	74,33
4	Doanh thu thuần	Đồng	207.115.986.665	84,02

5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	12.099.637.097	108,21
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	10.763.392.046	123
7	Nộp ngân sách	Đồng	4.889.350.345	72,49
<b>II</b>	<b>Cty BẤT ĐỘNG SẢN (Cty con)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	51.749.058.734	108,21
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	43.864.356.990	119,27
3	Doanh thu thuần	Đồng	42.513.927.153	133,15
4	Lợi nhuận trước thuế		14.042.005.370	176,86
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	12.900.162.892	206,92
<b>III</b>	<b>Cty LỘC TÀI NGUYÊN (Cty con)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	3.185.784.673	92,77
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	517.705.952	193,9
3	Doanh thu thuần	Đồng	4.679.120.000	139,3
4	Lợi nhuận trước thuế		256.451.952	
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	250.811.610	
<b>IV</b>	<b>Cty XI MĂNG CT – HG (Cty con)</b>			
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	321.860.860.827	169,84
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	140.285.316.962	135,7
3	Doanh thu thuần	Đồng	482.715.240.245	532,2
4	Lợi nhuận trước thuế		42.776.204.399	
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	40.610.481.386	

**b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 :**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	Ghi chú
1	Sản xuất Xi măng	Tấn	950.000	
2	Sản xuất Hoi kỹ nghệ	Chai	80.000	
3	Sản xuất gạch ống không nung	Viên		
5	Tổng doanh thu	Tr.đồng	860.000	
6	Lợi nhuận trước thuế:	Tr.đồng	65.300	
	<b>Bao gồm:</b>			
	- Xi Măng CT		10.000	
	- Ôxy	“	100	

	- Bất động sản	“	5.000	
	- Đóng tàu	“	0	
	- Cty Lộc Tài Nguyên	“	200	
	- Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang	“	50.000	
		“		
7	Nộp NSNN	Tr.đồng	8.000	
8	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	7,0	
9	Chia cổ tức	%/năm	10%	

**Điều 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2017**

**Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C)**

**Điều 4: Thông qua việc ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018**

Đại hội đã thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét các báo cáo tài chính quý *(nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.)*

*(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2018/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2018)*

**Điều 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.**

Đại hội đã thống nhất thông qua.

*(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2018/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2018)*

**Điều 6: Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018**

Đại hội thông qua mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2017: 0,5%/LNST

Đại hội thông qua dự toán mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2018 là: 0,5%/LNST.

**Điều 7: Thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty**

Đại hội đã thống nhất thông qua Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.

**Điều 8: Thông qua việc chia cổ tức năm 2017.**

Đại hội đã thống nhất thông qua việc chia cổ tức của năm 2017

*(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2018/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2018)*

**Điều 9: Thông qua việc đầu tư trạm nghiên xĩ và Vật liệu xây dựng mới.**

Đại hội thống nhất thông qua việc đầu tư trạm nghiên xĩ và sản xuất Vật liệu xây dựng mới tại Công ty TNHH MTV Xi măng Cần Thơ –Hậu Giang.

*(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2018/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2018)*

**Điều 10: Thông qua việc rút khỏi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.**

Đại hội đã thống nhất thông qua việc ủy quyền HĐQT về việc rút khỏi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong năm 2018, và thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc hủy niêm yết.

*(Chi tiết theo Tờ trình số 02/2018/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2018)*

**Điều 11: Thông qua việc thực hiện thành lập Công ty tại nước Australia.**

Đại hội đã thống nhất thông qua việc thành lập Công ty tại Úc. Ủy quyền HĐQT lựa chọn thời gian và ký kết các chứng từ liên quan đến việc thành lập Công ty tại nước Úc

*(Chi tiết theo Tờ trình số 01/2018/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 03 năm 2018)*

**Điều 12: Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này được Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tất cả cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị trực thuộc, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ.

**Nơi nhân:**

- Cổ đông Công ty;
- Website Công ty;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu: Thư ký HĐQT, VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**Chủ tọa**

**THÁI MINH THUYẾT**